

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 19 - 5 - 2023

V/v Tranh chấp yêu cầu buộc thực hiện
nghĩa vụ và yêu cầu tuyên bố một phần
văn bản công chứng vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Vũ Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2022/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ và yêu cầu tuyên bố một phần văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 470/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1863/2023/QĐPT ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Mỹ A, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Hoa Kỳ;

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1996; Địa chỉ: 605 Nguyễn Trãi, phường 7, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/4/2023) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Phi Long, Văn phòng luật sư Quốc Luật, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lưu Đình D, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Số 244 đường Hàn Hải Nguyên, Phường 9, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Bà Trần Thị Huyền Trang, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số 07 đường Hoa Thị, Phường 7, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/02/2022), (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng công chứng G (Tên cũ: Văn phòng công chứng G); Địa chỉ: Số 519 Đường Lê Hồng Phong, Phường 2, G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Huyền Trang là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lưu Đình D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyên đơn bà Trương Mỹ A và bị đơn ông Lưu Đình D tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 quyền số 01 ngày 06 tháng 11 năm 1998, do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 612/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân G, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, về hôn nhân: Bà Mỹ A và ông Đình D thuận tình ly hôn; về con chung: 02 con chung là Lưu Ngọc Quỳnh Như, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2003 và Lưu Hoàng Phúc, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2004 do bà Mỹ A trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đình D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi con 30.000.000 đồng/tháng, thực hiện từ tháng 8 năm 2017 đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi; về tài sản chung: Bà Mỹ A và ông Đình D tự thỏa thuận.

Đến ngày 09 tháng 7 năm 2019, bà Mỹ A và ông Đình D ký Văn bản thỏa thuận và cam kết số 09084 tại Văn phòng công chứng G, Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân chia tài sản vợ chồng sau khi ly hôn và trợ cấp nuôi con (Sau đây gọi tắt là Văn bản thỏa thuận), nội dung thỏa thuận: «*Về tài sản:* Bà Mỹ A và ông Đình D thỏa thuận việc phân chia tài sản với tổng số tiền ông Đình D giao cho bà Mỹ A là 6.500.000.000 đồng, số tiền này có từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Trương Nghĩa; *Về cấp dưỡng:* mỗi tháng 180.555.000 đồng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 và kết thúc vào ngày 01 tháng 7 năm 2022 (3 năm); Sau khi nhận đủ số tiền như thỏa thuận, bà Mỹ A cam kết không đòi hỏi, không yêu cầu thêm bất cứ khoản tiền hoặc tài sản nào khác».

Phía nguyên đơn bà Mỹ A cho rằng sau khi ký Văn bản thỏa thuận trên, ông Đình D không thực hiện đúng cam kết, đã nhiều lần liên hệ, thông báo yêu cầu ông Đình D trả số tiền nêu trên nhưng ông Đình D không thực hiện. Ngày 14 tháng 9 năm 2018, phía nguyên đơn gửi Thông báo yêu cầu ông Đình D trả toàn bộ số tiền 6.500.000.000 đồng cho bà trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, ông Đình D cũng không thực hiện.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lưu Đình D thanh toán một lần số tiền 6.500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 15%/năm, tạm tính từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 đến ngày 24 tháng 3 năm 2021 là 975.000.000

đồng, tổng cộng là 7.475.000.000 đồng, tiếp tục tính lãi chậm trả đến khi thanh toán đủ.

** Bị đơn ông Lưu Đình D do ông Trần Thế Vĩ (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử) và bà Trần Thị Huyền Trang (tại phiên tòa) đại diện hợp pháp trình bày:*

Do có sự nhầm lẫn và ông Đình D thiếu hiểu biết về pháp luật, thuật ngữ pháp lý nên Văn bản thỏa thuận ghi nhận không đúng ý chí của ông Đình D, thực tế, ông Đình D và bà Mỹ A thỏa thuận ông Đình D có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền 6.500.000.000 đồng (theo Điều 1) với hình thức trả hàng tháng (theo Điều 2) số tiền 180.555.000 đồng. Sau khi ký Văn bản thỏa thuận, ông Đình D đã thanh toán cho bà Mỹ A 01 đợt vào tháng 8 năm 2019 đúng như thỏa thuận số tiền 180.555.000 đồng. Hiện tại, số tiền ông Đình D chưa thanh toán chỉ còn 6.319.445.000 đồng.

Ngoài ra, đối tượng được phân chia theo Văn bản thỏa thuận là số tiền lợi nhuận phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Trương Nghĩa (sau đây gọi tắt là Công ty), đây là khoản tiền thuộc quyền sở hữu của Công ty chứ không phải của riêng ông Đình D; Do đó, nghĩa vụ của ông Đình D phát sinh từ Văn bản thỏa thuận nêu trên là việc ông Đình D giao cho bà Mỹ A phần lợi nhuận của Công ty trị giá 6.500.000.000 đồng, thỏa thuận này gắn liền với việc ông Đình D được tạm giao quyền quản lý Công ty. Ông Đình D thừa nhận ông có nghĩa vụ thực hiện một công việc nhất định đối với bà Mỹ A, nghĩa vụ này được quy định tại Khoản 1 Điều 281 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ sau tháng 8 năm 2019, tình trạng kinh doanh của Công ty không tạo ra lợi nhuận dẫn đến việc ông Đình D không thể thực hiện theo thỏa thuận với bà Mỹ A.

Do đó, ông Đình D không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đình D thanh toán một lần số tiền 6.319.445.000 đồng và chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Bị đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Điều 2 Văn bản thỏa thuận và cam kết số 09084 lập ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại Văn phòng công chứng G, Thành phố Hồ Chí Minh vô hiệu do nhầm lẫn.

** Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng G (Tên cũ: Văn phòng công chứng G) trình bày:*

Thủ tục công chứng Văn bản thỏa thuận và cam kết số 09084 lập ngày 09 tháng 7 năm 2019 ký kết giữa ông Lưu Đình D và bà Trương Mỹ A đã được Văn phòng công chứng G (Tên cũ: Văn phòng công chứng G) thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định, các bên đủ năng lực hành vi dân sự đã tự nguyện yêu cầu và tự đọc lại nội dung Văn bản thỏa thuận trước khi đồng ý ký tên vào văn bản. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lưu Đình D yêu cầu tuyên bố Điều 02 Văn bản thỏa thuận và cam kết số 09084 vô hiệu do nhầm lẫn thì phía Văn phòng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 470/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:*

- Căn cứ khoản 11, khoản 14 Điều 26; khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 273; Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Luật Công chứng; Áp dụng Điều 3, khoản 2 Điều 126, các Điều 130, 131, 132, 274, 275, 278, 280, 282, 351, 352, 353, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Mỹ A đã rút tại phiên tòa về việc yêu cầu ông Lưu Đình D trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất 10%/năm, số tiền lãi tổng cộng là 755.066.170 đồng.

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Mỹ A:

1. Buộc bị đơn ông Lưu Đình D trả một lần số tiền 5.777.760.000 (Năm tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng cho bà Trương Mỹ A ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bị đơn ông Lưu Đình D trả hàng tháng số tiền 180.561.000 (Một trăm tám mươi triệu năm trăm sáu mươi một nghìn) đồng cho bà Trương Mỹ A trong thời hạn 03 tháng, thực hiện từ tháng 5 năm 2022.

III. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lưu Đình D tuyên bố Điều 02 Văn bản thỏa thuận và cam kết số 09084 ngày 09 tháng 7 năm 2019 lập tại Văn phòng công chứng G vô hiệu do nhầm lẫn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 09/05/2022, bà Trần Thị Huyền Trang là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lưu Đình D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn chỉ yêu cầu phát mãi tài sản và định giá lại toàn bộ Công ty để thanh toán số tiền trên vì hiện nay bị đơn không có khả năng thanh toán 01 lần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần; Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lưu Đình D, thấy rằng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Mỹ A yêu cầu bị đơn ông Lưu Đình D thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo nội dung Văn bản thỏa thuận và cam kết số 09084 lập ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại Văn phòng công chứng G, Thành phố Hồ Chí Minh; Còn bị đơn phản tố yêu cầu Tòa tuyên bố Điều 02 Văn bản thỏa thuận nêu trên vô hiệu do nhầm lẫn.

Tại phiên tòa: Nguyên, bị đơn thừa nhận vào ngày 09 tháng 7 năm 2019 có ký Văn bản thỏa thuận và cam kết nội dung: *«Ông Đình D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Mỹ A số tiền 6.500.000.000 đồng, thực hiện trong thời hạn 03 năm kể từ tháng 8 năm 2019, mỗi tháng thanh toán 180.555.000 đồng»*.

Án sơ thẩm buộc bị đơn ông Lưu Đình D trả số tiền 5.777.760.000 đồng cho bà Trương Mỹ A và trả tiếp hàng tháng số tiền 180.561.000 đồng cho bà Mỹ A trong thời hạn 03 tháng, thực hiện từ tháng 5 năm 2022 là đúng với nội dung cam kết mà các bên đã thỏa thuận. Việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo yêu cầu phát mãi tài sản và định giá lại toàn bộ Công ty để thanh toán số tiền trên là không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án này; mà thuộc thẩm quyền giải quyết tại giai đoạn thi hành án.

[3]. Tuy nhiên, do thời gian xét xử phúc thẩm đã hết 03 tháng theo quyết định bản án sơ thẩm; Nên cấp phúc thẩm tuyên lại phần quyết định bản án sơ thẩm: Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn với thời gian tròn 03 năm bằng 6.319.443.000 đồng.

Vì vậy, quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là phù hợp.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Lưu Đình D phải chịu 300.000 đồng.

[5]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lưu Đình D. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 470/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (*tuyên lại cho phù hợp với thời gian*).

Căn cứ khoản 11, khoản 14 Điều 26; khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 273; Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Luật Công chứng; Áp dụng

Điều 3, khoản 2 Điều 126, các Điều 130, 131, 132, 274, 275, 278, 280, 282, 351, 352, 353, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Mỹ A về số tiền lãi chậm trả tổng cộng là 755.066.170 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lưu Đình D tuyên bố Điều 02 Văn bản thỏa thuận và cam kết số 09084 ngày 09 tháng 7 năm 2019 lập tại Văn phòng công chứng G vô hiệu do nhầm lẫn.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Mỹ A: Buộc bị đơn Lưu Đình D phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn Trương Mỹ A với thời gian tròn 03 năm bằng 6.319.443.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Đình D phải chịu 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu số 0003482 ngày 15/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã nộp đủ tiền.

5. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 15bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết